

Số: 991/QĐ-HĐTSSDH

Hà Nội, ngày 27 tháng 7 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Công nhận danh sách thí sinh đủ điều kiện dự thi tuyển sinh
đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2015**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC NĂM 2015
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG – XÃ HỘI**

Căn cứ Quyết định số 538/QĐ-LĐTĐ ngày 24/4/2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Lao động - Xã hội;

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 1656/QĐ-ĐHLĐXH ngày 31/10/2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động – Xã hội về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 503/QĐ-ĐHLĐXH ngày 09/4/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Lao động – Xã hội về việc thành lập Hội đồng tuyển sinh sau đại học năm 2015;

Căn cứ Biên bản họp ngày 22/7/2015 của Hội đồng tuyển sinh sau đại học năm 2015;

Xét đề nghị của Thường trực Hội đồng tuyển sinh sau đại học năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 296 thí sinh đủ điều kiện dự thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2015 gồm:

- Chuyên ngành Quản trị nhân lực: 190 thí sinh có tên trong danh sách đính kèm tại Phụ lục I;
- Chuyên ngành Kế toán: 59 thí sinh có tên trong danh sách đính kèm tại Phụ lục II;
- Chuyên ngành Công tác xã hội: 47 thí sinh có tên trong danh sách đính kèm tại Phụ lục III.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Hành chính – Tổng hợp, Trưởng khoa Sau đại học, Hội đồng tuyển sinh sau đại học, trưởng các đơn vị có liên quan và các cá nhân có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- HĐTSSDH năm 2015;
- Lưu: VT, HĐTSSDH.

TM. HỘI ĐỒNG TSSDH NĂM 2015

CHỦ TỊCH

HIỆU TRƯỞNG
Hà Xuân Hùng

Phụ lục I

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÂN LỰC NĂM 2015**

(Kèm theo Quyết định số: 991/QĐ-HĐTSSDH ngày 28/11/2015 của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh sau đại học)

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Đối tượng ưu tiên	VĂN BẢNG ĐẠI HỌC			
							Chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Loại tốt nghiệp	Năm tốt nghiệp
1	QT70001	Bùi Thành An	Nam	09/09/1992	Thanh Hóa		Quản trị nhân lực	Chính quy	TB Khá	2014
2	QT70002	Phùng Thế An	Nam	14/04/1986	Hà Nội		Quản trị nhân lực	Chính quy	TB Khá	2010
3	QT70003	Hà Thị Thùy Anh	Nữ	24/05/1992	Nghệ An		Quản trị nhân lực	Chính quy	Giỏi	2014
4	QT70004	Hoàng Anh	Nam	02/08/1988	Hà Nội		Quản trị nhân lực	Chính quy	TB Khá	2010
5	QT70005	Lê Thị Diệp Anh	Nữ	01/02/1993	Quảng Ninh		Quản trị nhân lực	Chính quy	Khá	2015
6	QT70006	Nguyễn Kiều Anh	Nữ	03/04/1993	Nam Định		Quản trị nhân lực	Chính quy	Khá	2015
7	QT70007	Nguyễn Mai Anh	Nữ	27/04/1993	Hà Nội		Quản trị nhân lực	Chính quy	Khá	2015
8	QT70008	Nguyễn Thế Anh	Nam	10/05/1988	Hà Nội		Kinh tế quản lý TN và MT	Chính quy	Khá	2010
9	QT70009	Nguyễn Thị Phương Anh	Nữ	22/12/1969	Hà Nội		Hành chính học	Vừa làm vừa học	Khá	2009
10	QT70010	Phạm Thị Lan Anh	Nữ	18/10/1993	Thái Bình		Quản trị nhân lực	Chính quy	Khá	2015
11	QT70011	Phùng Thị Lan Anh	Nữ	21/07/1993	Hà Nội		Quản trị nhân lực	Chính quy	Khá	2015
12	QT70012	Trần Phương Anh	Nữ	09/10/1993	Ninh Bình		Quản trị nhân lực	Chính quy	Khá	2015
13	QT70013	Trần Thị Kiều Anh	Nữ	03/07/1983	Sơn La		Kế toán	Liên thông	Khá	2011
14	QT70014	Trần Thị Lan Anh	Nữ	31/10/1991	Hà Nội		Tài chính - Ngân hàng	Chính quy	TB Khá	2013
15	QT70015	Vũ Mai Anh	Nữ	02/03/1993	Bắc Giang		Quản trị nhân lực	Chính quy	Khá	2015
16	QT70016	Vũ Xuân Bách	Nam	17/09/1987	Hung Yên		Công nghệ kỹ thuật điện tử	Chính quy	Khá	2010
17	QT70017	Hoàng Quốc Bảo	Nam	02/09/1990	Hà Nội		Quản trị nhân lực	Liên thông	Khá	2013
18	QT70018	Trương Thị Bích	Nữ	08/03/1991	Thái Bình		Quản trị nhân lực	Chính quy	Khá	2013
19	QT70019	Trần Trọng Biên	Nam	13/05/1976	Hà Nội		Tin học	Vừa làm vừa học	TB Khá	2005
20	QT70020	Ngô Thị Bình	Nữ	25/09/1980	Thái Bình		Công tác xã hội	Liên thông	Giỏi	2009

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Đối tượng ưu tiên	VĂN BẢNG ĐẠI HỌC		
							Chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Loại tốt nghiệp
21	QT70021	Nguyễn Hà Bình	Nữ	08/08/1990	Thái Bình		Tài chính - Ngân hàng	Chính quy	Khá
22	QT70022	Nguyễn Thị Huyền Châm	Nữ	03/01/1993	Quảng Ninh		Quản trị nhân lực	Chính quy	Khá
23	QT70023	Vũ Thị Quỳnh Châm	Nữ	08/06/1984	Tuyên Quang		Tài chính ngân hàng	Chính quy	TB Khá
24	QT70024	Nguyễn Minh Châu	Nam	08/07/1982	Hà Nội		Cơ khí	Chính quy	Khá
25	QT70025	Ngô Thành Công	Nam	23/06/1991	Thái Bình		Quản trị nhân lực	Chính quy	Khá
26	QT70026	Đỗ Văn Cương	Nam	13/07/1986	Hà Nội		Quản trị nhân lực	Liên thông	Khá
27	QT70027	Nguyễn Thị Hà Doan	Nữ	25/01/1983	Hà Nội		Quản trị nhân lực	Liên thông	Giỏi
28	QT70028	Hà Thủy Dung	Nữ	13/04/1992	Hải Dương		Quản trị nhân lực	Chính quy	Khá
29	QT70029	Nguyễn Phương Dung	Nữ	09/01/1981	Hà Nội	Con CBHH	Tiếng Anh	Vừa làm vừa học	Trung Bình
30	QT70030	Nguyễn Thanh Dung	Nữ	03/10/1990	Nam Định		Quản trị nhân lực	Liên thông	Khá
31	QT70031	Nguyễn Đức Dũng	Nam	14/07/1989	Hòa Bình		Kế toán	Liên thông	TB Khá
32	QT70032	Phạm Đức Dũng	Nam	23/02/1976	Nam Định		Kinh tế	Chính quy	Trung Bình
33	QT70033	Bùi Khánh Duyên	Nữ	07/09/1991	Bắc Giang		Tài chính - Ngân hàng	Chính quy	Khá
34	QT70034	Lê Thị Bích Duyên	Nữ	06/06/1979	Thanh Hóa		Thủy văn - môi trường	Chính quy	Khá
35	QT70035	Mai Hồng Dương	Nam	30/10/1989	Hà Nội		Thông tin-Thư viện	Chính quy	Khá
36	QT70036	Nguyễn Thị Dương	Nữ	20/08/1987	Hà Tĩnh		Quản trị nhân lực	Liên thông	TB Khá
37	QT70037	Phạm Văn Điệp	Nam	29/11/1989	Ninh Bình		Quản trị nhân lực	Chính quy	Trung bình
38	QT70038	Phùng Hoài Điệp	Nam	01/09/1970	Hải Phòng		Ngữ văn	Từ xa	Trung bình
39	QT70039	Dương Anh Đức	Nam	20/10/1991	Hà Nội		Quản trị nhân lực	Chính quy	Khá
40	QT70040	Nguyễn Trí Đức	Nam	21/06/1987	Lào cai		Quản trị nhân lực	Liên thông	TB Khá
41	QT70041	Phạm Thanh Đức	Nam	10/08/1990	Quảng Ninh		Quản trị nhân lực	Chính quy	Khá
42	QT70042	Nguyễn Trường Giang	Nam	18/09/1988	Nam Định		Tài chính - Ngân hàng	Chính quy	TB Khá
43	QT70043	Đỗ Thu Hà	Nữ	29/07/1984	Hà Nội		Sư phạm kỹ thuật điện tử	Chính quy	Khá
44	QT70044	Khuất Minh Hà	Nữ	28/01/1992	Hà Nội		Quản trị nhân lực	Chính quy	Khá
45	QT70045	Nguyễn Thị Thu Hà	Nữ	20/04/1988	Bắc Giang		Quản trị nhân lực	Chính quy	Khá
46	QT70046	Nguyễn Thị Thu Hà	Nữ	07/05/1988	Thái Nguyên		Quản trị nhân lực	Chính quy	Khá

VĂN BẢNG ĐẠI HỌC										
STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Đối tượng ưu tiên	Chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Loại tốt nghiệp	Năm tốt nghiệp
47	QT70047	Phan Thị Hồng	Hà	Nữ	02/10/1986	Hưng Yên	Quản trị nhân lực	Liên thông	Khá	2012
48	QT70048	Trần Giang	Hà	Nam	19/04/1975	Hà Nội	Tài chính - tín dụng	Vừa làm vừa học	TB Khá	2003
49	QT70049	Vui Thị	Hà	Nữ	20/11/1990	Lào Cai	Quản trị nhân lực	Vừa làm vừa học	Khá	2015
50	QT70050	Công Phương	Hải	Nam	02/08/1983	Hà Nội	Quản trị nhân lực	Chính quy	Khá	2013
51	QT70051	Nguyễn Mỹ	Hạnh	Nữ	16/05/1991	Nam Định	Kế toán	Chính quy	Khá	2013
52	QT70052	Vũ Thị	Hạnh	Nữ	23/11/1990	Hà Nội	Bảo hiểm	Liên thông	TB Khá	2013
53	QT70053	Trần Hữu	Hào	Nam	28/11/1980	Bắc Ninh	Trồng trọt	Chính quy	TB Khá	2003
54	QT70054	Phạm Văn	Hào	Nam	01/07/1977	Bắc Giang	Quản trị nhân lực	Vừa làm vừa học	Khá	2011
55	QT70055	Bùi Thị Thu	Hằng	Nữ	13/06/1985	Yên Bái	Công nghệ phần mềm	Từ xa	TB Khá	2010
56	QT70056	Lại Thúy	Hằng	Nữ	04/08/1992	Vĩnh Phúc	Quản trị nhân lực	Chính quy	Khá	2014
57	QT70057	Nguyễn Thu	Hằng	Nữ	07/01/1991	Hà Nội	Quản trị nhân lực	Chính quy	Khá	2013
58	QT70058	Nguyễn Vĩnh	Hằng	Nữ	09/07/1983	Hòa Bình	Ngữ văn	Chính quy	Khá	2007
59	QT70059	Hoàng Thị	Hiền	Nữ	17/12/1982	Hải Phòng	Quản trị nhân lực	Vừa làm vừa học	Khá	2007
60	QT70060	Nguyễn Thu	Hiền	Nữ	14/09/1987	Tuyên Quang	Quản trị nhân lực	Liên thông	Khá	2011
61	QT70061	Nguyễn Thu	Hiền	Nữ	08/04/1993	Hà Nội	Quản trị nhân lực	Chính quy	Khá	2015
62	QT70062	Vũ Thị Thu	Hiền	Nữ	02/02/1985	Hà Nam	Kế toán	Liên thông	TB Khá	2012
63	QT70063	Tổng Văn	Hiếu	Nam	07/09/1989	Nam Định	Quản trị nhân lực	Chính quy	Khá	2012
64	QT70064	Trần Trung	Hiếu	Nam	28/12/1986	Hà Nội	Quản trị nhân lực	Liên thông	Khá	2013
65	QT70065	Nguyễn Đức	Hình	Nam	21/09/1988	Nam Định	Quản trị nhân lực	Chính quy	TB Khá	2011
66	QT70066	Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	28/04/1985	Hà Nội	Kế toán	Vừa làm vừa học	Trung bình	2009
67	QT70067	Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	20/09/1993	Hải Dương	Quản trị nhân lực	Chính quy	Khá	2015
68	QT70068	Bùi Thị	Hoài	Nữ	07/02/1987	Quảng Ninh	Quản trị nhân lực	Liên thông	Khá	2010
69	QT70069	Phạm Thái	Hoàng	Nam	01/03/1991	Quảng Ninh	Bảo hộ lao động	Chính quy	TB Khá	2013
70	QT70070	Lê Thu	Hồng	Nữ	23/07/1993	Phú Thọ	Quản trị nhân lực	Chính quy	Giỏi	2015
71	QT70071	Lê Quang	Hợp	Nam	10/04/1988	Bắc Giang	Quản trị nhân lực	Liên thông	TB Khá	2013
72	QT70072	Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	03/09/1989	Thái Bình	Công nghệ thông tin	Chính quy	TB Khá	2013

VĂN BẢNG ĐẠI HỌC										
STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Đối tượng ưu tiên	Chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Loại tốt nghiệp	Năm tốt nghiệp
73	QT70073	Nguyễn Thị Huệ	Nữ	10/08/1992	Thanh Hóa		Quản trị nhân lực	Chính quy	Khá	201
74	QT70074	Đặng Văn Hùng	Nam	27/10/1986	Hải Dương		Quản trị nhân lực	Chính quy	Khá	201
75	QT70075	Lại Thái Hùng	Nam	19/09/1989	Hà Nội		Bảo hiểm	Chính quy	Khá	201
76	QT70076	Nguyễn Quốc Hùng	Nam	17/06/1981	Bắc Giang		Quản trị nhân lực	Liên thông	TB Khá	201
77	QT70077	Nguyễn Văn Hùng	Nam	24/12/1986	Lạng Sơn		Quản trị nhân lực	Chính quy	TB Khá	201
78	QT70078	Vũ Mạnh Hùng	Nam	08/06/1987	Thanh Hóa		Quản trị nhân lực	Liên thông	Khá	201
79	QT70079	Nguyễn Ích Huy	Nam	10/12/1991	Hà Nội		Quản trị nhân lực	Vừa làm vừa học	Giỏi	201
80	QT70080	Võ Đức Huy	Nam	01/02/1989	Quảng Ninh		Bảo hiểm	Chính quy	TB Khá	201
81	QT70081	Bùi Thị Huyền	Nữ	01/07/1983	Bắc Giang		Quản trị nhân lực	Vừa làm vừa học	Khá	201
82	QT70082	Lê Ngọc Huyền	Nữ	08/10/1978	Hà Nội		Tài chính ngân hàng	Vừa làm vừa học	TB Khá	200
83	QT70083	Phạm Thị Bích Huyền	Nữ	09/11/1992	Bắc Ninh		Quản trị nhân lực	Chính quy	Khá	201
84	QT70084	Phạm Thị Thanh Huyền	Nữ	28/08/1977	Quảng Ninh		Luật	Vừa làm vừa học	Trung bình	200
85	QT70085	Đỗ Đông Hưng	Nam	30/10/1976	Hà Nội		Sinh học	Chính quy	Trung bình	199
86	QT70086	Đào Lan Hương	Nữ	10/12/1992	Hà Nội		Quản trị nhân lực	Chính quy	TB Khá	201
87	QT70087	Đặng Thị Lan Hương	Nữ	16/03/1989	Hà Nội		Bảo hiểm	Chính quy	Khá	201
88	QT70088	Nguyễn Thị Hương	Nữ	21/12/1971	Hà Nội		Kinh tế đối ngoại	Vừa làm vừa học	Trung bình	200
89	QT70089	Nguyễn Thị Hương	Nữ	26/08/1989	Nam Định		Quản trị nhân lực	Chính quy	Khá	201
90	QT70090	Nguyễn Thị Thu Hương	Nữ	15/07/1990	Vĩnh Phúc		Quản trị nhân lực	Liên thông	Khá	201
91	QT70091	Ngọc Thúy Hường	Nữ	02/04/1984	Hà Nội		Kế toán - Tài chính DNTM	Chính quy	Khá	200
92	QT70092	Nguyễn Bích Hường	Nữ	03/06/1972	Hà Nội		Quản trị kinh doanh thương mại	Vừa làm vừa học	Khá	199
93	QT70093	Lê Thị Ngọc Khánh	Nữ	09/11/1989	Thanh Hóa		Quản trị nhân lực	Chính quy	TB Khá	201
94	QT70094	Trịnh Chí Kiên	Nam	18/10/1991	Hòa Bình		Quản trị nhân lực	Chính quy	Khá	201
95	QT70095	Đặng Cao Kường	Nam	29/07/1977	Hà Nội		Tài chính ngân hàng	Vừa làm vừa học	Trung bình	200
96	QT70096	Nguyễn Thị La	Nữ	15/03/1990	Bắc Giang		Quản trị nhân lực	Chính quy	Khá	201
97	QT70097	Nguyễn Thị Phương Lan	Nữ	19/07/1982	Hà Nội		Kinh tế đối ngoại	Vừa làm vừa học	TB Khá	200
98	QT70098	Trương Thị Lan	Nữ	15/08/1981	Thái Nguyên		Quản trị nhân lực	Vừa làm vừa học	Giỏi	201

VĂN BẢNG ĐẠI HỌC										
STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Đối tượng ưu tiên	Chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Loại tốt nghiệp	Năm tốt nghiệp
99	QT70099	Nghiêm Thị Lân	Nữ	13/04/1993	Hà Nội		Quản trị nhân lực	Chính quy	Khá	2015
100	QT70100	Đinh Thị Mỹ Lệ	Nữ	07/02/1993	Thanh Hóa		Quản trị nhân lực	Chính quy	Khá	2015
101	QT70101	Vũ Thị Lệ	Nữ	01/04/1973	Ninh Bình		Hành chính học	Vừa làm vừa học	TB Khá	2012
102	QT70102	Nguyễn Thùy Liên	Nữ	07/09/1992	Hà Nội		Quản trị nhân lực	Chính quy	Khá	2014
103	QT70103	Cao Thùy Linh	Nữ	21/12/1989	Phú Thọ		Kê toán	Liên thông	Khá	2012
104	QT70104	Đinh Thị Diệu Linh	Nữ	05/08/1993	Bắc Ninh		Quản trị nhân lực	Chính quy	Khá	2015
105	QT70105	Đỗ Thùy Linh	Nữ	02/09/1989	Hà Nội		Pháp luật quốc tế	Chính quy	TB Khá	2011
106	QT70106	Hoàng Thị Thủy Linh	Nữ	20/04/1992	Nghệ An		Quản trị nhân lực	Chính quy	Khá	2015
107	QT70107	Nguyễn Hoàng Linh	Nam	11/02/1993	Hà Nội		Quản trị nhân lực	Chính quy	Khá	2015
108	QT70108	Nguyễn Ngọc Linh	Nam	17/10/1990	Hòa Bình		Toán học	Chính quy	Trung bình	2013
109	QT70109	Phạm Thị Linh	Nữ	07/05/1992	Hải Phòng		Quản trị nhân lực	Chính quy	Khá	2015
110	QT70110	Lý Thiên Long	Nam	23/07/1992	Hà Nội		Quản trị nhân lực	Chính quy	TB Khá	2014
111	QT70111	Nguyễn Song Long	Nam	18/08/1983	Hòa Bình		Quản trị nhân lực	Liên thông	TB Khá	2010
112	QT70112	Đào Thị Lụa	Nữ	29/08/1990	Nam Định		Bảo hiểm	Liên thông	Khá	2013
113	QT70113	Lưu Thị Kim Ly	Nữ	08/07/1978	Hà Nội		Luật Kinh tế	Chính quy	TB Khá	2001
114	QT70114	Phan Thị Hương Ly	Nữ	24/10/1991	Hà Nội		Quản trị nhân lực	Liên thông	Khá	2014
115	QT70115	Trần Thị Lý	Nữ	19/01/1987	Thái Bình		Kinh tế & QTDN mở	Chính quy	Khá	2010
116	QT70116	Cát Kim Phương Mai	Nữ	09/10/1987	Hà Nội		Quản trị nhân lực	Chính quy	Giỏi	2009
117	QT70117	Nguyễn Thanh Mai	Nữ	29/10/1991	Nam Định		Quản trị nhân lực	Chính quy	Khá	2013
118	QT70118	Đinh Lê Quang Minh	Nam	09/11/1984	CH Séc		Quản trị kinh doanh thương mại	Chính quy	TB Khá	2012
119	QT70119	Lê Hoàng Minh	Nam	28/03/1989	Ninh Bình		Hệ thống điện	Chính quy	TB Khá	2012
120	QT70120	Vũ Như Ngọc Minh	Nữ	20/09/1991	Nam Định		Quản trị nhân lực	Chính quy	Giỏi	2013
121	QT70121	Nguyễn Trà My	Nữ	20/01/1989	Hà Nội		Bảo hiểm	Chính quy	Khá	2011
122	QT70122	Tạ Trà My	Nữ	16/10/1993	Bắc Ninh		Quản trị nhân lực	Chính quy	Khá	2015
123	QT70123	Mai Tuyết Nga	Nữ	07/10/1993	Quảng Ninh		Quản trị nhân lực	Chính quy	Giỏi	2015
124	QT70124	Bùi Thị Ngà	Nữ	05/03/1977	Thanh Hóa		Tư pháp và Hành chính NN	Chính quy	Trung bình	1999

VĂN BẢNG ĐẠI HỌC							Đối tượng ưu tiên	Chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Loại tốt nghiệp	Năm tốt nghiệp
STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh						
125	QT70125	Lê Ngọc	Nữ	26/08/1991	Hải Phòng			Bảo hộ lao động	Chính quy	TB Khá	2013
126	QT70126	Lê Phan Nhân	Nam	07/12/1988	Hà Nội			Quản trị nhân lực	Liên thông	TB Khá	2012
127	QT70127	Trần Thị Nhân	Nữ	15/08/1978	Thanh Hóa			Kế toán - Tài chính DN TM	Vừa làm vừa học	Trung bình	2009
128	QT70128	Đỗ Huy Như	Nam	06/09/1976	Hưng Yên			Quản trị nhân lực	Vừa làm vừa học	Khá	2014
129	QT70129	Hoàng Thị Tuệ Như	Nữ	20/11/1989	Lạng Sơn			Khoa học quản lý	Chính quy	Khá	2011
130	QT70130	Dương Văn Ninh	Nam	25/10/1984	Hà Nội			Quản trị nhân lực	Chính quy	Khá	2010
131	QT70131	Trần Thùy Ninh	Nữ	17/09/1990	Nam Định			Quản trị nhân lực	Chính quy	TB Khá	2012
132	QT70132	Nguyễn Vinh Phú	Nam	04/01/1992	Hà Nội			Quản trị nhân lực	Chính quy	TB Khá	2014
133	QT70133	Nguyễn Danh Phương	Nam	05/05/1985	Hà Nội			Quản trị nhân lực	Chính quy	TB Khá	2013
134	QT70134	Trần Thu Phương	Nữ	09/12/1993	Nam Định			Quản trị nhân lực	Chính quy	Khá	2015
135	QT70135	Phùng Minh Quang	Nam	12/10/1992	Hà Nội			Quản trị nhân lực	Chính quy	Khá	2014
136	QT70136	Phùng Viết Quảng	Nam	26/06/1977	Hà Nội			Điện tử viễn thông	Chính quy	TB Khá	2001
137	QT70137	Trần Văn Quân	Nam	13/12/1987	Ninh Bình			Quản trị nhân lực	Chính quy	Khá	2013
138	QT70138	Phạm Minh Quy	Nữ	11/06/1992	Hải Dương			Quản trị nhân lực	Chính quy	Khá	2014
139	QT70139	Lê Xuân Quý	Nam	06/07/1983	Thanh Hóa			Tiếng Nga	Chính quy	TB Khá	2006
140	QT70140	Phạm Thị Huyền Quyền	Nữ	16/01/1990	Quảng Ninh			Pháp luật quốc tế	Chính quy	TB Khá	2012
141	QT70141	Nguyễn Ánh Quyền	Nam	12/06/1990	Hà Nội			Quản trị nhân lực	Chính quy	Giỏi	2014
142	QT70142	Lê Văn Quyết	Nam	26/08/1991	Sơn La			Quản trị nhân lực	Chính quy	TB Khá	2014
143	QT70143	Dương Thị Quỳnh	Nữ	13/12/1993	Thái Nguyên			Quản trị nhân lực	Chính quy	Khá	2015
144	QT70144	Đỗ Thị Quỳnh	Nữ	24/09/1990	Tuyên Quang			Khoa học thư viện	Chính quy	Khá	2013
145	QT70145	Phạm Ngọc Quỳnh	Nữ	12/11/1989	Thái Bình			Ngôn ngữ Anh	Chính quy	Khá	2013
146	QT70146	Lương Thị Sâm	Nữ	04/06/1993	Bắc Giang			Quản trị nhân lực	Chính quy	Khá	2015
147	QT70147	Nguyễn Huy Sơn	Nam	09/12/1988	Hà Nội			Bảo hiểm	Chính quy	TB Khá	2010
148	QT70148	Hoàng Viết Tấn	Nam	23/10/1985	Hưng Yên			Quản trị nhân lực	Liên thông	TB Khá	2013
149	QT70149	Hoàng Ngọc Thanh	Nam	20/04/1988	Hà Nội			Quản trị nhân lực	Chính quy	TB Khá	2010
150	QT70150	Trần Thị Thanh	Nữ	20/12/1990	Phú Thọ			Quản trị nhân lực	Chính quy	Khá	2014

VĂN BẢNG ĐẠI HỌC										
STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Đối tượng ưu tiên	Chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Loại tốt nghiệp	Năm tốt nghiệp
151	QT70151	Nguyễn Tiến Thành	Nam	20/06/1991	Lào Cai		Bảo hiểm	Chính quy	TB Khá	2013
152	QT70152	Phạm Quang Thành	Nam	31/12/1982	Quảng Ninh		Quản trị doanh nghiệp TM	Chính quy	TB Khá	2007
153	QT70153	Mai Thị Thao	Nữ	24/01/1987	Thái Bình		Kế toán	Chính quy	Khá	2009
154	QT70154	Trần Ngọc Thắng	Nam	21/03/1976	Hà Nội		Quản trị nhân lực	Vừa làm vừa học	TB Khá	2013
155	QT70155	Lâm Thị Kim Thoa	Nữ	10/02/1977	Bắc Ninh		Kinh tế đối ngoại	Vừa làm vừa học	Khá	2007
156	QT70156	Trần Thị Hà Thu	Nữ	05/02/1982	Thái Bình		Quản trị nhân lực	Vừa làm vừa học	Khá	2012
157	QT70157	Trần Lại Thu Thủy	Nữ	23/10/1991	Phú Thọ		Quản trị nhân lực	Chính quy	Khá	2013
158	QT70158	Trần Thu Thủy	Nữ	21/12/1988	Nam Định		Tiếng Anh sư phạm	Chính quy	Khá	2010
159	QT70159	Trịnh Thu Thủy	Nữ	27/08/1984	Hà Nội		Song ngữ Đức - Anh	Chính quy	Khá	2008
160	QT70160	Phạm Thị Phương Thúy	Nữ	29/07/1982	Hà Nội		Địa chính	Chính quy	Khá	2005
161	QT70161	Nguyễn Thị Hoài Thương	Nữ	18/11/1992	Thái Nguyên		Quản trị nhân lực	Chính quy	Giỏi	2014
162	QT70162	Nguyễn Thị Song Thương	Nữ	14/02/1993	Hà Tĩnh		Quản trị nhân lực	Chính quy	Khá	2015
163	QT70163	Nguyễn Duy Thương	Nam	05/07/1982	Hòa Bình		Quản trị nhân lực	Vừa làm vừa học	TB Khá	2011
164	QT70164	Nguyễn Thị Thùy Tiên	Nữ	04/11/1992	Hải Dương		Quản trị nhân lực	Chính quy	Khá	2014
165	QT70165	Nguyễn Thu Trà	Nữ	16/03/1993	Thái Nguyên		Quản trị nhân lực	Chính quy	Giỏi	2015
166	QT70166	Nguyễn Huyền Trang	Nữ	14/12/1993	Hà Nội		Quản trị nhân lực	Chính quy	Khá	2015
167	QT70167	Nguyễn Thị Thu Trang	Nữ	01/11/1990	Bắc Giang		Quản trị nhân lực	Chính quy	Khá	2013
168	QT70168	Trần Thị Thu Trang	Nữ	08/05/1993	Hưng Yên		Quản trị nhân lực	Chính quy	Khá	2015
169	QT70169	Đinh Thị Ngọc Trâm	Nữ	20/11/1993	Quảng Ninh		Quản trị nhân lực	Chính quy	Khá	2015
170	QT70170	Nguyễn Trung Triệu	Nam	03/03/1991	Hưng Yên		Quản trị nhân lực	Chính quy	Khá	2013
171	QT70171	Nguyễn Tuấn Trung	Nam	25/01/1980	Hà Nội		Bảo hộ lao động	Chính quy	TB Khá	2003
172	QT70172	Lê Đức Trường	Nam	05/09/1988	Hà Nội		Công nghệ thông tin	Chính quy	Khá	2012
173	QT70173	Trần Anh Tú	Nữ	10/08/1988	Hà Nội		Quản trị nhân lực	Liên thông	TB Khá	2011
174	QT70174	Trần Minh Tú	Nam	25/09/1990	Ninh Bình		Quản trị nhân lực	Chính quy	Khá	2013
175	QT70175	Đặng Mạnh Tuấn	Nam	21/11/1990	Nam Định		Quản trị nhân lực	Chính quy	TB Khá	2012
176	QT70176	Trần Quốc Tuấn	Nam	08/09/1991	Vĩnh Phúc		Quản trị nhân lực	Chính quy	Khá	2013

Phụ lục II

**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN NĂM 2015**

(Kèm theo Quyết định số: 991/QĐ-HĐTSSĐH ngày 27/11/2015 của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh sau đại học)

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Đối tượng ưu tiên	VĂN BẰNG ĐẠI HỌC			
							Chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Loại tốt nghiệp	Năm tốt nghiệp
1	KT70191	Bùi Thị Vân	Nữ	16/01/1984	Thái Bình		Kế toán	Vừa làm vừa học	TB Khá	2009
2	KT70192	Hoàng Việt	Nam	17/12/1992	Hòa Bình		Kế toán	Chính quy	TB Khá	2014
3	KT70193	Hồ Tú	Nữ	18/11/1990	Hà Nội		Kế toán DN	Vừa làm vừa học	TB Khá	2013
4	KT70194	Lê Lan	Nữ	01/09/1981	Quảng Ninh		Kế toán	Chính quy	Khá	2008
5	KT70195	Nguyễn Ngọc	Nữ	14/04/1993	Hà Nội		Kế toán	Chính quy	Khá	2015
6	KT70196	Hoàng Bích Diệp	Nữ	09/06/1992	Hà Nội		Kế toán	Chính quy	Khá	2014
7	KT70197	Lê Thu	Nữ	27/07/1991	Nam Định		Kế toán	Chính quy	Khá	2014
8	KT70198	Trần Thanh	Nam	22/09/1978	Nam Định		Kế toán DN	Vừa làm vừa học	TB Khá	2009
9	KT70199	Công Thị Thu	Nữ	17/07/1985	Hà Nội		Kế toán TCDNTM	Vừa làm vừa học	TB Khá	2012
10	KT70200	Lê Thị Thúy	Nữ	05/05/1984	Ninh Bình		QT Tài chính Kế toán	Chính quy	TB Khá	2007
11	KT70201	Vũ Văn	Nam	11/07/1985	Ninh Bình		Kế toán	Liên thông	TB Khá	2011
12	KT70202	Kim Thị	Nữ	20/03/1982	Hà Nội		Kế toán	Vừa làm vừa học	TB Khá	2008
13	KT70203	Lê Thị	Nữ	17/07/1977	Hà Nội		Kế toán	Chính quy	Khá	1999
14	KT70204	Nguyễn Thị	Nữ	02/03/1991	Nam Định		Kế toán	Chính quy	Khá	2013
15	KT70205	Nguyễn Thị Thu	Nữ	28/10/1993	Ninh Bình		Kế toán	Chính quy	Khá	2015
16	KT70206	Đào Thị	Nữ	01/08/1988	Hà Nội		Kế toán	Chính quy	Khá	2010
17	KT70207	Đỗ Trọng	Nam	25/08/1986	Ninh Bình		Kiểm toán	Chính quy	TB Khá	2009
18	KT70208	Nguyễn Thị	Nữ	02/02/1974	Hà Nội		kế toán	Vừa làm vừa học	Tbình	2003
19	KT70209	Bùi Thanh	Nữ	05/12/1991	Yên Bái		Kế toán	Chính quy	TB Khá	2013
20	KT70210	Khuất Thu	Nữ	27/10/1992	Hà Nội		Kế toán	Chính quy	Giỏi	2014

VĂN BẢNG ĐẠI HỌC

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Đối tượng ưu tiên	Chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Loại tốt nghiệp	Năm tốt nghiệp
21	KT70211	Lưu Thị Hương	Nữ	20/05/1993	Nam Định		Kế toán	Chính quy	Khá	2015
22	KT70212	Chu Thị Hồng Lan	Nữ	14/02/1993	Hưng Yên		Kế toán	Chính quy	Khá	2015
23	KT70213	Đào Diệu Liên	Nữ	04/12/1992	Hà Nội		Kế toán	Chính quy	Khá	2014
24	KT70214	Nguyễn Thị Liên	Nữ	11/08/1990	Hà Nội		Kế toán	Chính quy	Khá	2012
25	KT70215	Nguyễn Khánh Linh	Nữ	12/08/1993	Hà Nội		Kế toán	Chính quy	Khá	2015
26	KT70216	Nguyễn Thị Linh	Nữ	10/10/1990	Thanh Hóa		Kế toán	Liên thông	Khá	2013
27	KT70217	Phạm Đức Long	Nam	21/03/1988	Ninh Bình		Kế toán	Chính quy	TB Khá	2011
28	KT70218	Đinh Thị Luyến	Nữ	12/08/1989	Quảng Ninh		Kế toán	Liên thông	Khá	2013
29	KT70219	Trần Thị Mai	Nữ	01/10/1989	Lào Cai		Kế toán	Liên thông	TB Khá	2013
30	KT70220	Bùi Thị Phương Mơ	Nữ	10/12/1992	Hải Dương		Kế toán	Chính quy	Khá	2014
31	KT70221	Nguyễn Bích Ngọc	Nữ	03/08/1992	Thái Bình		Kế toán	Chính quy	Khá	2014
32	KT70222	Phạm Thị Hồng Nhung	Nữ	08/04/1990	Hà Nội		Kế toán	Chính quy	Khá	2013
33	KT70223	Vũ Thị Thùy Nhung	Nữ	11/05/1989	Hải Dương		Kế toán	Chính quy	Khá	2011
34	KT70224	Hà Thị Nụ	Nữ	13/11/1987	Hà Nội		Kế toán DN	Liên thông	Khá	2012
35	KT70225	Phạm Giang Oanh	Nữ	17/06/1988	Hà Nội		Kế toán	Chính quy	Khá	2010
36	KT70226	Đỗ Hoàng Phương	Nam	21/04/1993	Bắc Ninh		Kế toán	Chính quy	Khá	2015
37	KT70227	Nguyễn Thảo Phương	Nữ	21/10/1993	Thái Bình		Kế toán DN	Chính quy	Khá	2015
38	KT70228	Nguyễn Thị Trúc Quỳnh	Nữ	05/02/1987	Bắc Giang		Kế toán	Chính quy	Khá	2015
39	KT70229	Phạm Phương Quỳnh	Nữ	10/10/1991	Hà Nội		Kế toán	Chính quy	Khá	2010
40	KT70230	Trần Công Sơn	Nam	22/04/1992	Nam Định		Kế toán	Chính quy	TB Khá	2013
41	KT70231	Vũ Thị Minh Tâm	Nữ	16/11/1986	Nghệ An		Kế toán	Chính quy	TB Khá	2014
42	KT70232	Phạm Ngọc Thanh	Nam	15/11/1983	Nam Định	Con CDHH	Kế toán DN	Liên thông	TB Khá	2012
43	KT70233	Nguyễn Xuân Thành	Nam	05/08/1977	Hòa Bình		Kế toán	Chính quy	TB Khá	2006
44	KT70234	Đoàn Phương Thảo	Nữ	07/04/1992	Hà Nội		Kế toán	Chính quy	TB Khá	2000
45	KT70235	Vũ Thị Phương Thảo	Nữ	19/10/1982	Ninh Bình		Kế toán	Chính quy	Khá	2015
46	KT70236	Phùng Thị Thìn	Nữ	05/10/1988	Hà Nội		Kế toán - Kiểm toán	Chính quy	Khá	2004
47	KT70237	Nguyễn Thị Thu	Nữ	05/04/1984	Yên Bái		Kế toán	Liên thông	Khá	2012
							Kế toán	Chính quy	TB Khá	2007

VĂN BẢNG ĐẠI HỌC										
STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Đối tượng ưu tiên	Chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Loại tốt nghiệp	Năm tốt nghiệp
48	KT70238	Đoàn Thị Thùy	Nữ	05/05/1991	Hưng Yên		Kế toán	Chính quy	Giỏi	2014
49	KT70239	Nguyễn Thị Thùy	Nữ	01/11/1989	Hưng Yên		Kế toán - Kiểm toán	Chính quy	Giỏi	2011
50	KT70240	Nguyễn Thị Thanh Thúy	Nữ	19/07/1982	Hà Nam		Kế toán	Vừa làm vừa học	Trung bình	2007
51	KT70241	Đỗ Thị Thư	Nữ	02/11/1991	Hưng Yên		Kế toán	Chính quy	Khá	2013
52	KT70242	Nguyễn Chính Tĩnh	Nam	29/10/1982	Hà Nội		Kế toán DN	Vừa làm vừa học	TB Khá	2007
53	KT70243	Trần Minh Trang	Nữ	06/11/1991	Hà Nội		Kế toán	Chính quy	Khá	2013
54	KT70244	Trần Thị Huyền Trang	Nữ	30/11/1986	Thái Nguyên		Kế toán	Liên thông	TB Khá	2011
55	KT70245	Bùi Thị Ngọc Trâm	Nữ	08/12/1991	Hà Nội		Kế toán	Chính quy	Giỏi	2013
56	KT70246	Lương Thế Tùng	Nam	18/08/1989	Quảng Ninh		Kế toán	Liên thông	TB Khá	2012
57	KT70247	Hoàng Thị Tố Uyên	Nữ	30/01/1988	Bắc Ninh		Kế toán	Liên thông	TB Khá	2012
58	KT70248	Ngô Thị Khánh Vân	Nữ	01/11/1992	Hà Nội		Tài chính - Kế toán	Chính quy	Khá	2015
59	KT70249	Trịnh Thị Hải Yến	Nữ	02/04/1993	Ninh Bình		Kế toán	Chính quy	Khá	2015

Danh sách có 59 thí sinh./.

TM. HỘI ĐỒNG TSSDH NĂM 2015

CHỦ TỊCH



HIỆU TRƯỞNG
Hà Xuân Hùng

Phụ lục III

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ
CHUYÊN NGÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI NĂM 2015

(Kèm theo Quyết định số: 991 /QĐ-HĐTSSDH ngày 28 / 7 /2015 của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh sau đại học)

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Đối tượng ưu tiên	VĂN BẰNG ĐẠI HỌC			
							Chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Loại tốt nghiệp	Năm tốt nghiệp
1	CT70250	Nguyễn Thị Lan	Nữ	02/07/1993	Hà Nam		Công tác xã hội	Chính quy	Khá	2015
2	CT70251	Trần Quế	Nữ	12/04/1992	Nam Định		Công tác xã hội	Chính quy	Khá	2015
3	CT70252	Nguyễn Thị	Nữ	19/02/1993	Hà Nam		Công tác xã hội	Chính quy	Khá	2015
4	CT70253	Lương Lệ	Nữ	10/09/1984	Bắc Giang		Công tác xã hội	Liên thông	Khá	2010
5	CT70254	Nguyễn Văn	Nữ	06/06/1991	Hà Nội		Công tác xã hội	Chính quy	Khá	2013
6	CT70255	Bùi Bảo	Nam	23/11/1988	Hòa Bình	Dân tộc TS, KV1	Công tác xã hội	Liên thông	Khá	2013
7	CT70256	Lê Thùy	Nữ	27/12/1993	Hà Nội		Công tác xã hội	Chính quy	Khá	2014
8	CT70257	Nguyễn Tiến	Nam	03/03/1979	Phú Thọ	Công tác KV1	Công tác xã hội	Liên thông	Khá	2013
9	CT70258	Vũ Thị Hương	Nữ	13/04/1993	Phú Thọ		Công tác xã hội	Chính quy	Khá	2014
10	CT70259	Nguyễn Thị Minh	Nữ	20/11/1988	Bắc Giang		Công tác xã hội	Chính quy	Khá	2014
11	CT70260	Nguyễn Thị	Nữ	10/11/1983	Hà Nội		Công tác xã hội	Liên thông	Khá	2015
12	CT70261	Nguyễn Thị Thanh	Nữ	04/02/1992	Liên Xô		Công tác xã hội	Chính quy	Khá	2009
13	CT70262	Phùng Thị Thu	Nữ	23/07/1987	Hà Nội		Công tác xã hội	Chính quy	TB Khá	2010
14	CT70263	Lương Thị	Nữ	14/02/1988	Hà Nội		Công tác xã hội	Chính quy	Khá	2011
15	CT70264	Phạm Thị	Nữ	15/09/1989	Thanh Hóa		Công tác xã hội	Chính quy	Khá	2011
16	CT70265	Đỗ Thanh	Nữ	10/12/1993	Hòa Bình		Công tác xã hội	Chính quy	Khá	2015
17	CT70266	Nguyễn Thị Thương	Nữ	27/11/1991	Hà Nội	Dân tộc TS, KV1	Công tác xã hội	Chính quy	Khá	2014
18	CT70267	Phùng Thị Thanh	Nữ	06/03/1991	Hà Nội		Công tác xã hội	Chính quy	Khá	2014
19	CT70268	Nguyễn Thị Minh	Nữ	03/06/1990	Hà Nội		Công tác xã hội	Liên thông	Giỏi	2013
20	CT70269	Thế Thị	Nữ	08/06/1992	Hà Nội		Công tác xã hội	Chính quy	Khá	2015
21	CT70270	Vũ Thị Thu	Nữ	03/10/1988	Hà Nam		Công tác xã hội	Chính quy	Khá	2010
22	CT70271	Nguyễn Thị	Nữ	19/09/1986	Thái Nguyên		Công tác xã hội	Chính quy	Khá	2010
23	CT70272	Vũ Thị	Nữ	22/09/1990	Bắc Giang		Công tác xã hội	Liên thông	TB Khá	2014
24	CT70273	Trần Thanh	Nam	01/09/1987	Nam Định		Công tác xã hội	Chính quy	Khá	2011

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Đối tượng ưu tiên	VĂN BANG ĐẠI HỌC			
							Chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo	Loại tốt nghiệp	Năm tốt nghiệp
25	CT70274	Đinh Thị Thùy	Nữ	15/02/1992	Quảng Ninh		Công tác xã hội	Chính quy	Khá	2015
26	CT70275	Nguyễn Diệu	Nữ	13/08/1993	Bắc Ninh		Công tác xã hội	Chính quy	Giỏi	2015
27	CT70276	Nguyễn Diệu	Nữ	24/10/1993	Hà Nội		Công tác xã hội	Chính quy	Khá	2015
28	CT70277	Trần Thùy	Nữ	28/12/1982	Thái Bình		Công tác xã hội	Vừa làm vừa học	Giỏi	2012
29	CT70278	Vũ Diệu	Nữ	19/12/1990	Nam Định		Công tác xã hội	Chính quy	TB Khá	2013
30	CT70279	Hoàng Thị	Nữ	02/02/1987	Ninh Bình		Công tác xã hội	Liên thông	Khá	2013
31	CT70280	Nguyễn Văn	Nam	26/08/1978	Nam Định		Công tác xã hội	Liên thông	Giỏi	2009
32	CT70281	Hoàng Thanh	Nữ	25/05/1993	Yên Bái		Công tác xã hội	Chính quy	Khá	2015
33	CT70282	Trần Thị	Nữ	05/08/1990	Thanh Hóa		Công tác xã hội	Liên thông	Khá	2014
34	CT70283	Phạm Thị Thúy	Nữ	31/08/1979	Thái Bình		Công tác xã hội	Liên thông	Khá	2009
35	CT70284	Quách Thị Trà	Nữ	20/02/1993	Hòa Bình		Công tác xã hội	Chính quy	Khá	2015
36	CT70285	Lại Thị Bích	Nữ	17/09/1992	Phú Thọ		Công tác xã hội	Chính quy	Khá	2014
37	CT70286	Vũ Thị Lan	Nữ	11/12/1993	Tuyên Quang		Công tác xã hội	Chính quy	Khá	2015
38	CT70287	Lê Thị	Nữ	20/06/1991	Thanh Hóa		Công tác xã hội	Liên thông	Khá	2014
39	CT70288	Lê Lưu Ngọc	Nữ	18/03/1988	TP. Hồ Chí Minh		Công tác xã hội	Liên thông	Giỏi	2014
40	CT70289	Dương Hương	Nữ	14/12/1993	Thanh Hóa		Công tác xã hội	Chính quy	Khá	2015
41	CT70290	Nguyễn Văn	Nữ	09/07/1984	Vĩnh Phúc		Công tác xã hội	Liên thông	Khá	2011
42	CT70291	Đỗ Huyền	Nữ	17/10/1993	Yên Bái		Công tác xã hội	Chính quy	Khá	2015
43	CT70292	Hoàng Thiên	Nữ	25/11/1993	Tuyên Quang		Công tác xã hội	Chính quy	Giỏi	2015
44	CT70293	Nguyễn Thu	Nữ	15/05/1993	Hà Nội		Công tác xã hội	Chính quy	Khá	2015
45	CT70294	Trần Văn	Nữ	08/04/1993	Hà Nội		Công tác xã hội	Chính quy	Khá	2015
46	CT70295	Đậu Thị	Nữ	26/07/1992	Thanh Hóa		Công tác xã hội	Chính quy	Khá	2014
47	CT70296	Hoàng Văn	Nam	12/03/1982	Thanh Hóa		Công tác xã hội	Liên thông	Khá	2010

Danh sách có 47 thí sinh./.

TM. HỘI ĐỒNG TSSDH NĂM 2015

CHỦ NICH

